TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
---*---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--------*---------**

Bản án số: 98 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v tranh chấp:"Ly hôn,
Tranh chấp việc nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.
2. Ông Đỗ Văn Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1979.** *Có mặt*

***Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1977.** *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Khu phố 02, phường PH, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tổ chức cưới, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70, quyển số 01/2001 ngày 17/12/2001 của UBND xã Phú Hải (nay là phường PH), thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc , nhưng đến năm 2010 thì ông Lê Văn H xuất gia đi tu, hơn 10 năm qua ông H không sống chung cùng với mẹ con bà, mà tự lập miếu thờ tại phường PH và ở luôn tại đó. Thời gian qua mặc dù ở cùng một phường nhưng ông H không quan tâm chăm lo gì đối với gia đình vợ con cả.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, trên danh nghĩa vợ chồng nhưng không cùng nhau chung sống và chia sẻ công việc gia đình, không chăm lo con chung, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: Lê Đông H1 (Nam), sinh ngày 05/5/2003 và Lê Đông H2 (nam), sinh ngày 17/01/2008. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn, bà không yêu cầu công Lê văn H phải trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn.

***Về tài sản chung*:** bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà khai sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật**.**

***Ý kiến Bị đơn ông Lê Văn H**: Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020:* ông xác định vợ chồng ông bà chung sống đăng ký kết hôn từ năm 2001, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc yêu thương nhau, nhưng thời gian sau có bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã, nay ông đã xuất gia đi tu do vậy bà N làm đơn ly hôn, ông đồng ý ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Đông H1 (Nam), sinh ngày 05/5/2003 và Lê Đông H2 (nam), sinh ngày 17/01/2008. Ông có nguyện vọng giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, ông không yêu cầu tòa án giải quyết trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn.

***Về tài sản chung**:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có nợ chung.

**Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015,Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã yêu cầu xin xét xử vắng

mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của Nguyên đơn và Bị đơn nhận thấy ông H và bà N là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên vợ chồng không cùng nhau chung sống đã hơn 11 năm qua, ông H cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn;

-Về con chung: Đề nghị giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, không giải quyết về trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn, do đương sự chưa yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu do vậy đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn,Bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1] Bị đơn ông Lê Văn H có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khu phố 04, phường PH, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Do vậy bà Võ Thị N kiện ly hôn ông, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Ông Lê Văn H đã đượcTòa án triệu tập và giao các văn bản tố tụng trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng ông đều vắng mặt, đồng thời có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 01 Điều 227 và khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn.

****Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị N và ông Lê Văn H là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 70, quyển số 01/2001 ngày 17/12/2001 của UBND xã Phú Hải (nay là phường PH), thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn- bà Võ Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cho thấy: Vợ chồng ông bà đã không còn cùng nhau chung sống đã nhiều năm, ông Lê Văn H hiện đã xuất gia đi tu, vợ chồng ông bà chỉ còn trên danh nghĩa pháp lý, thực tế thì không còn quan hệ vợ chồng và cả hai ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 01 điều

56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn, bà Võ Thị N được ly hôn với ông Lê Văn H .

[2]*Về con chung:* Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: Lê Đông H1 (Nam), sinh ngày 05/5/2003 và Lê Đông H2 (nam), sinh ngày 17/01/2008. Ông H và bà N đều có nguyện vọng giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Xét thấy các con chung hiện đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N có khả năng lao động, có nghề nghiệp và có thu nhập, các con chung cũng đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, do vậy việc các đương sự thỏa thuận giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của con chung về mọi mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trợ cấp nuôi chung sau ly hôn: do ông,bà không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét.

[4]*Về tài sản chung:* Ông, bà không yêu cầu nên Tòa không xét

[5] Về *nợ chung*: Ông, bà khai không có nợ chung.

[6]***Về án phí:*** Bà Võ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, bà N đã nộp tại biên lai 0007957 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được khấu trừ 300.000đ cho nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình của bà tại bản án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ *<u>Tuyên xử</u>*:

[1]*Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Võ Thị N được ly hôn với ông Lê Văn H;

[2]*Về con chung:* Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: Lê Đông H1 (Nam), sinh ngày 05/5/2003 và Lê Đông H2 (nam), sinh ngày 17/01/2008.

Tuyên buộc ông Lê Văn H phải giao cả hai con chung tên: Lê Đông H1 (Nam), sinh ngày 05/5/2003 và Lê Đông H2 (nam), sinh ngày 17/01/2008 cho bà Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Ông Lê Văn H và bà Võ Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]*Về tài sản chung*: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

[4] *Về nợ chung*: Ông, bà khai không có nợ chung.

***3/ Về án phí*:** Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình; Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, bà N đã nộp tại biên lai 0007957 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được khấu trừ 300.000đ cho nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình của bà tại bản án.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tống đạt bản án.

***Nơi nhận* :**
-Tòa án Tỉnh;
-VKS Tp.Phan Thiết;
-Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường PH;
-Đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân